UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:184 /BC-SKHCN

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
Thực hiện công tác cải cách hành chính trong Quý III năm 2022

Thực hiện Kế hoạch số 182/KH-UBND, ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2022;

Thực hiện Kế hoạch số 03/KH-SKHCN, ngày 19/01/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện cải cách hành chính năm 2022;

Thực hiện Công văn số 480/SNV-XDCQ ngày 07/3/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ đối với các lĩnh vực cải cách hành chính tỉnh; Công văn số 535/SNV-TTr ngày 11/3/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ cải cách hành chính đối với sở ngành trên địa bàn tỉnh,

Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính trong Quý III năm 2022, như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao

1. Các nhiệm vụ được giao

- Xây dựng Kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) tại các cơ quan, đơn vị định kỳ 01 lần/năm.

- Đánh giá kết quả việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001 tại các xã, phường, thị trấn.

2. Tiến độ thực hiện các phần việc được giao

2.1. Tình hình xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị hàng năm

Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về kiểm tra hoạt động duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sóc Trăng năm 2022.

Bên cạnh đó, Sở KH&CN đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 bản điện tử (ISO điện tử) vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sóc Trăng năm 2022.

2.2. Kết quả việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001

Trong Quý III năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã thành lập Đoàn kiểm tra hoạt động duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sóc Trăng năm 2022. Đến nay, đã kiểm tra 41/67 đơn vị. Kết quả: các đơn vị có thực hiện duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm chưa phù hợp như: Chưa cải tiến các quy trình bắt buộc theo Mô hình khung; Chưa cập nhật Danh mục tài liệu HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2015 và Danh mục kiểm soát tài liệu bên ngoài hiện hành; Chưa thực hiện Báo cáo mục tiêu chất lượng định kỳ. Đoàn kiểm tra đề nghị các đơn vị tiếp tục duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và khắc phục những điểm chưa phù hợp.

3. Đề xuất, kiến nghị

Không.

II. Tình hình thực hiện cải cách hành chính của Sở KH&CN trong Quý III năm 2022

1. Báo cáo thông tin theo mẫu sau

STT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách cải cách hành chính	Vũ Thị Hiếu Đông	Giám đốc Sở	0918 555 104 vthdong@soctrang.gov.vn
2	Công chức phụ trách tham mưu cải cách hành chính	Trương Hoàng Nguyên	Chánh Văn phòng Sở	0918 074 084 thnguyen@ soctrang.gov.vn
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Trần Thế Vũ	Chuyên viên Văn phòng Sở	0972 054 561 ttvu@ soctrang.gov.vn

2. Kết quả đạt được trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính của Sở KH&CN

2.1. Cải cách thể chế

Sở đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-SKHCN ngày 23/02/2022 về việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2022 và Kế hoạch số 15/KH-SKHCN ngày 25/02/2022 thực hiện công tác pháp chế năm 2022.

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định để kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành.

Năm 2022, Sở KH&CN đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý Vĩnh Châu cho sản phẩm hành tím và Artemia của tỉnh Sóc Trăng.

Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay, đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 29/06/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

Thực hiện tốt công khai các thủ tục hành chính (TTHC), giấy tờ, biểu mẫu, quy trình, thời gian giải quyết, phí, lệ phí, trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan, công chức giải quyết hồ sơ. Tất cả các phòng, đơn vị trực thuộc Sở đều có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng công chức, viên chức, nhân viên (CCVCNV); mỗi nhiệm vụ đều có phân công CCVCNV chính thức và CCVCNV thay thế.

Ban hành Kế hoạch số 07/KH-SKHCN, ngày 09/02/2022 về kiểm soát TTHC năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở KH&CN tỉnh Sóc Trăng.

Sở KH&CN đã rà soát các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý theo danh mục thủ tục hành chính do Bộ KH&CN ban hành và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 và Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 về việc bãi bỏ một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng.

Công khai đầy đủ, đúng quy định 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan trên Trang thông tin điện tử của Sở.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy

Tổ chức sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng hiệu quả, phân công CCVCNV phù hợp với chuyên môn và sở trường.

Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng.

Việc thực hiện biên chế đúng theo quy định tại Quyết định số 28/QĐ-UBND, ngày 07/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau: số lượng biên chế được giao là 35 biên chế công chức và 07 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP), số lượng biên chế đã thực hiện là 35 biên chế công chức và 07 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP).

2.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVCNV

Ban hành Quyết định số 74/QĐ-SKHCN ngày 13/6/2022 của Giám đốc Sở KH&CN về Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi đối với quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, đơn vị trực thuộc Sở KH&CN.

Ban hành Quyết định số 80/QĐ-SKHCN ngày 17/6/2022 của Giám đốc Sở KH&CN về sửa đổi một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các phòng, đơn vị và công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở KH&CN.

Cử CCVCNV tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài tỉnh.

Duy trì việc chấm công đối với từng CCVCNV.

Tổ chức bảo vệ cơ quan thường xuyên, đảm bảo an toàn.

Trang bị kịp thời các phương tiện cần thiết cho hoạt động của cơ quan, đơn vị.

2.5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế và nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

Thực hiện công khai quyết toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng theo mẫu quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

2.6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của cơ quan. Tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan theo Chỉ thị số 34/2008/CT-TTg, ngày 03/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, CCVC các phòng, đơn vị trực thuộc Sở đều được trang bị máy vi tính, đã thiết lập hệ thống mạng LAN, kết nối Internet. Duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử Sở KH&CN Sóc Trăng. Sở có 100% CCVC được cấp hộp thư điện tử của tỉnh; thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc. Triển khai áp dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, tác nghiệp công việc trên mạng.

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Sở đã áp dụng hệ thống một cửa điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 đối với 9 TTHC; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 03 TTHC (thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân); dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với 28 TTHC (Trong đó, có 04 TTHC thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân, 22 TTHC trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ và 02 TTHC thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng).

Phối hợp Trung tâm Phục vụ Hành chính công niêm yết thủ tục hành chính tại Trung tâm.

Cổng thông tin điện tử Sở KH&CN tỉnh Sóc Trăng được cập nhật thông tin đều đặn. Ngoài ra, Sở cũng chỉ đạo 02 đơn vị trực thuộc duy trì việc cập nhật, phổ biến thông tin trên 02 trang thông tin điện tử của 02 đơn vị trực thuộc Sở.

Ngoài ra, Sở KH&CN tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 bản điện tử tại Sở. Hàng năm, đều ban hành Mục tiêu chất lượng ở tất cả các lĩnh vực quản lý, nhất là các lĩnh vực có giải quyết thủ tục hành chính đối với tổ chức, công dân. Định kỳ, lãnh đạo Sở xem xét Mục tiêu chất lượng và điều chỉnh kịp thời. Từ đó đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng được yêu cầu của nhân dân.

2.7. Công tác chỉ đạo, điều hành

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan theo hướng hiện đại, đảm bảo hoạt động hiệu quả. Sở đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-SKHCN, ngày 19/01/2022 về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022. Trong Quý III năm 2022, cơ quan thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.

2.8. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính

Sở KH&CN đã xây dựng Kế hoạch số 13/KH- SKHCN ngày 24/02/2022 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022 tại đơn vị, đã phân công cụ thể việc tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến về công tác cải cách hành chính đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

Thực hiện tuyên truyền các nội dung về cải cách hành chính trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, thông qua các cuộc họp giao ban hàng tuần và các cuộc họp khác.

2.9. Về việc thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức trong tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ thủ tục hành chính

Trong Quý III năm 2022, Sở KH&CN đã tiếp nhận 11 hồ sơ đăng ký giải quyết TTHC, đã giải quyết 08 hồ sơ đúng hạn, còn 03 hồ sơ đang giải quyết còn thời hạn.

Trong Quý III năm 2022, Sở không có trường hợp hồ sơ giải quyết quá hạn và hồ sơ đã quá hạn giải quyết nên không có thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức trong tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ thủ tục hành chính.

(Đính kèm Phụ lục 1 và Phụ lục 2)

3. Đánh giá kết quả thực hiện

3.1. Thuận lợi

Việc thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách thể chế đã góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản của cơ quan, góp phần thực hiện nhiệm vụ ngày càng tốt hơn.

Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính như công khai các thủ tục hành chính, giấy tờ, biểu mẫu, quy trình, thời gian giải quyết, phí, lệ phí, trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan, công chức giải quyết hồ sơ. Tất cả các phòng, đơn vị trực thuộc Sở đều có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng CCVCNV; mỗi nhiệm vụ đều có phân công CCVCNV chính thức và CCVCNV thay thế.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của cơ quan góp phần giải quyết công việc nhanh và thuận tiện hơn.

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Số lượng hồ sơ TTHC nộp trực tuyến và nộp qua dịch vụ bưu chính công ích ít phát sinh. Do người dân chưa quen sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin nên ngại việc nộp hồ sơ trực tuyến. Bên cạnh đó, người dân, doanh nghiệp luôn muốn đến trực tiếp để được hướng dẫn, chủ động trong quá trình giải quyết hồ sơ.

Số lượng sáng kiến hoặc giải pháp liên quan đến CCHC còn ít và mang tính nội bộ, khả năng phổ biến, nhân rộng chưa cao. Do công chức của Sở bị chi phối bởi nhiều công việc chuyên môn nên còn ít quan tâm đến việc nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến, giải pháp mới, có tính đột phá liên quan đến công tác CCHC.

4. Phương hướng thực hiện cải cách hành chính của Sở KH&CN trong quyý IV năm 2022

4.1. Sắp xếp bộ máy, nâng cao chất lượng công chức, viên chức

Hoàn thiện và triển khai Đề án vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức của Sở theo đúng quy định.

Phân công công việc cho viên chức, nhân viên phù hợp sở trường để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Công chức, viên chức và nhân viên tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 10/CT-CTUBND về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng.

Cử công chức, viên chức và nhân viên tham dự các khóa đào tạo nghiệp vụ, các buổi hội thảo, hội nghị có liên quan đến hoạt động của đơn vị nhằm tăng cường thêm kênh thông tin để mở rộng, hợp tác thực hiện dịch vụ KH&CN.

4.2. Cải cách tài chính công

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, chống lãng phí. Thực hiện công tác báo cáo về phòng, chống tham nhũng theo đúng thời gian quy định.

Theo dõi, nhắc nhở đơn vị trực thuộc Sở thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

4.3. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

Tiếp tục triển khai áp dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, tác nghiệp công việc trên mạng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Tăng cường sử dụng mạng LAN, Internet để trao đổi, khai thác thông tin phục vụ cho đơn vị; sử dụng Website của đơn vị giới thiệu năng lực, tìm đối tác và tiến tới giao dịch qua mạng cho các loại hình dịch vụ của đơn vị. Duy trì việc cập nhật thông tin trên Website của đơn vị.

Duy trì thực hiện tốt Quy chế văn hóa công sở theo Quyết định 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ; các nội quy, quy chế quản lý hoạt động tại cơ quan.

Thực hiện duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 bản điện tử đang áp dụng tại Sở.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH SÓC TRĂNG

Vũ Thị Hiếu Đông

Phụ lục 1
Tình hình áp dụng ISO trong hoạt động tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sóc Trăng trong Quý III năm 2022
(Đính kèm Báo cáo số 184 /BC-SKHCN, ngày 16 /9/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			
	Áp dụng ISO trong hoạt động			
1	Số sở, ngành đã kiểm tra việc áp dụng, duy trì, cải tiến ISO	Cơ quan, đơn vị	04	Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về kiểm tra hoạt động duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sóc Trăng năm 2022. Trong Quý III năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã thành lập Đoàn kiểm tra hoạt động duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sóc Trăng năm 2022. Đến nay, đã kiểm tra 41/67 đơn vị. Kết quả: các đơn vị có thực hiện duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm chưa phù hợp như: Chưa cải tiến các quy trình bắt buộc theo Mô hình khung; Chưa cập nhật Danh mục tài liệu HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2015 và Danh mục kiểm soát tài liệu bên ngoài hiện hành; Chưa thực hiện Báo cáo mục tiêu chất lượng định kỳ. Đoàn kiểm tra đề nghị các đơn vị tiếp tục duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và khắc phục những điểm chưa phù hợp.
2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra việc áp dụng, duy trì, cải tiến ISO	Cơ quan, đơn vị	03	
3	Số UBND cấp xã đã kiểm tra việc áp dụng, duy trì, cải tiến ISO	Cơ quan, đơn vị	34	
4	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng quy định về áp dụng, duy trì, cải tiến ISO	Cơ quan, đơn vị	41	
	- Cơ quan cấp tỉnh		04	
	- Đơn vị cấp huyện		03	
	- Đơn vị cấp xã		34	

Phụ lục 2
Tình hình áp dụng ISO trong hoạt động tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sóc Trăng trong Quý III năm 022
(Đính kèm Báo cáo số 184 */BC-SKHCN, ngày 16 /9/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng)*

Kỳ 15/6/2021 đến 14/9/2022

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I	**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**			
1	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	82,35%	Kế hoạch số 03/KH-SKHCN, ngày 19/01/2022
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	17	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	14	
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	3	
2	Kiểm tra CCHC			Dự kiến thực hiện 20/9/2022-30/9/2022
	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
3	Tuyên truyền CCHC			Kế hoạch số 13/KH- SKHCN ngày 24/02/2022

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	75%	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh (https://cchc.soctrang.gov.vn/)	Tin, bài	0	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC của Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	9	
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, …)	Tin, bài	9	Thực hiện các chuyên mục truyền hình để tuyên truyền các chủ trương chính sách của ngành KH&CN
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,…	Không = 0 Có = 1	1	Vận động công chức tham gia cuộc thi CCHC trực tuyến.
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	2	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	1	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5	Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC	Không = 0 Có = 1	0	
6	Thực hiện khen thưởng về kết quả CCHC	Không = 0 Có = 1	0	
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			Dự kiến thực hiện trong Quý IV

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%		
8	Việc chấp hành Chỉ thị 10/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ thị 10/CT-TTg và Chỉ thị 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính	Tốt =1 Có vi phạm = 0	1	Sở đã tiến hành rà soát lại các nội dung trong nội quy, quy chế làm việc, bản đăng ký phấn đấu xây dựng cơ quan văn hóa của Sở để đảm bảo triển khai đầy đủ các nội dung theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
9	Nhiệm vụ khác (nếu có)			
II	**Cải cách thể chế**			
1	Số VBQPPL đã tham mưu ban hành	Văn bản	1	
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng tiến độ	Văn bản	1	
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản	1	
2	Rà soát VBQPPL			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số VBQPPL phải rà soát		7	
	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	7	
	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật	Không = 0 Có = 1	1	
	Số lượng văn bản đã tuyên truyền	Văn bản	0	
III	**Cải cách thủ tục hành chính**			
1	Kiểm soát TTHC	Không = 0 Có = 1	1	Kế hoạch số 07/KH-SKHCN, ngày 09/02/2022 về kiểm soát TTHC năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở KH&CN tỉnh Sóc Trăng.
	Số lượng TTHC thực hiện rà soát	TTHC	0	
2	Kế hoạch rà soát TTHC	Không = 0 Có = 1	0	
3	Đơn giản hóa TTHC	Không = 0 Có = 1	0	
	Rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định	Thủ tục	0	
	Giảm thành phần hồ sơ	Thủ tục	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Khác	Thủ tục	0	
4	Thống kê TTHC			
	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục	0	
	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	6	
	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	40	
	- *Số TTHC áp dụng tại cơ quan, đơn vị:*	Thủ tục	31	
	- *Số TTHC áp dụng tại các đơn vị trực thuộc:*	Thủ tục	9	
5	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ảnh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Không = 0 Có = 1	1	
	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến	0	
	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến	0	
6	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100%	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100%	
7	Kết quả giải quyết TTHC			
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận		11	
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị trả kết quả		9	
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	100%	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
IV	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**			
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh.
	Số phòng ban chuyên môn thuộc khối văn phòng sở	Cơ quan, đơn vị	3	
	Số tổ chức hành chính trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	1	
	Số phòng ban chuyên môn trong tổ chức hành chính trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	2	
	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	1	
	Số phòng ban chuyên môn trong đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	4	
	Số lượng phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Tỷ lệ phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%	0	
	Số lượng đơn vị sự nghiệp cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Tỷ lệ phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%	0	
2	Số liệu về biên chế công chức			Quyết định số 28/QĐ-UBND, ngày 07/01/2022 của Chủ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				tịch UBND tỉnh Sóc Trăng
	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	35	
	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	32	
	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	7	
	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với kế hoạch năm	%	0	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)		0	
	Tổng số người làm việc được giao	Người	0	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	0	
	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
	Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm	%	0	
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn (nếu có)			- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh. -Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN: được phê duyệt theo Phương

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				án số 01/PA-SKHCN ngày 16/4/2021 và được thống nhất của UBND tỉnh tại Công văn số 138/UBND-TH ngày 21/01/2022
	Tổng số người làm việc được duyệt	Người	47	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	26	
5	Số liệu về lãnh đạo			
	Số lượng lãnh đạo cấp sở, ngành	Người	4	
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành	Người	9	
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc	Người	4	
6	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước			Kế hoạch số 04/KH-SKHCN, ngày 25/01/2022
	Số đơn vị hành chính cấp huyện, phòng chuyên môn cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
7	Thanh tra chuyên ngành		0	
	Số sở ngành và các đơn vị trực thuộc sở ngành đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề	0	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
V	**Cải cách chế độ công vụ**			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Không = 0 Có = 1	1	Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng.
	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ	Không = 0 Có = 1	1	Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng.

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức (nếu có)		0	
	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo		0	
	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị trực thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
	Số người được đạo tào, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người	14	Kế hoạch số 06/KH-SKHCN, ngày 27/01/2022 về đào tạo, bồi dưỡng CCVCNV Sở KH&CN giai đoạn 2022-2026
	Số người đã được đạo tào, bồi dưỡng thực tế	Người	3	
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác			Thực hiện trong quý

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				IV
	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người	0	
	Kết quả thực hiện thực tế	Người	0	
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức *(cả về Đảng và chính quyền).*		0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
	Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn		0	
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần		0	
	- Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo		0	
VI	**Cải cách tài chính công**			
1	Sở ngành thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
2	Số tổ chức hành chính trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị	1	1/1
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ		2	- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Quyết định số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				1783/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh, Quyết định số 65/QĐ-SKHCN ngày 26/5/2022 của Sở KH&CN. -Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN: Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh.
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	2	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	0	
4	Quy chế chi tiêu nội bộ của sở ngành đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 53/QĐ-SKHCN 05/5/2022 của Sở KH&CN.

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5	Số lượng đơn vị trực thuộc có Quy chế chi tiêu nội bộ đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Cơ quan, đơn vị	3	- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Quyết định số 15/QĐ-TĐC ngày 04/11/2021 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Quyết định số: 11/QĐ-KTĐC ngày 03/6/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; -Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN: Quyết định số 12/QĐ-TTUD 01/10/2021 của Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN.
VII	**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**			
1	Ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng CNTT	Có = 1	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Không = 0		
2	Bố trí công chức, viên chức chuyên trách CNTT	Người	1	
2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn bản	638	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	*Văn bản*	625	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	*Văn bản*	638	
2	Vận hành kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Có = 1 Không = 0	1	
3	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4			
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	*TTHC*	3	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	*TTHC*	3	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	*TTHC*	1	
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	*TTHC*	28	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	*TTHC*	28	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	*TTHC*	1	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	TTHC	13	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến đối với các TTHC đã cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	14	
	Số lượng hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	9	
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,…)	TTHC	23	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	TTHC	0	
4	Vận hành hệ thống báo cáo cấp tỉnh	Có = 1 Không = 0	1	
5	Sử dụng phần mềm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao	Có = 1 Không = 0	1	
6	Số lượng công chức, viên chức có tài khoản thư điện tử chính thức	Người	50	
7	Số lượng lãnh đạo được cấp chứng thư số	Người	4	
8	Triển khai các ứng dụng số khác như: Quản lý nhân sự, Quản lý tài chính – Kế toán, Quản lý Thi đua – Khen thưởng, Quản lý tài sản	Số lượng phần mềm	3	Quản lý nhân sự, Quản lý tài chính – Kế toán, Quản lý tài sản.
9	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	TTHC	40	
	Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
	Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
	Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
	Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
10	Áp dụng ISO trong hoạt động			
	Sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 36/QĐ-SKHCN ngày 16/4/2021 của Sở KH&CN.
	Sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	0	Dự kiến thực hiện trong Quý IV
	Sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	0	Dự kiến thực hiện trong Quý IV
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 08/QĐ-TĐC ngày 18/08/2022 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	0	Dự kiến thực hiện trong Quý IV
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	0	Dự kiến thực hiện trong Quý IV